

BÁO CÁO QUAN ĐIỂM ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ THÁNG

Rủi ro gia tăng
Thận trọng chờ đợi



Phòng Nghiên cứu – 10/2022



Bức tranh toàn cầu	04
Các tổ chức lớn hạ triển vọng tăng trưởng gdp toàn cầu	05
Tăng lãi suất: Xuất khẩu ảnh hưởng	06
Lạm phát kỷ lục, sản xuất thu hẹp tại châu Âu do vấn đề năng lượng	07
Đại hội Đảng Trung Quốc đã diễn ra với nhiều quyết sách quan trọng	08
Bức tranh vĩ mô Việt nam	09
Các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất khi chi phí đầu vào được kiểm soát tốt	10
Bán lẻ duy trì đà tăng mạnh trong quý 3 nhờ mức nền thấp cùng kỳ 2021	11
Các chính sách hợp lý của Chính phủ khống chế lạm phát ở mức thấp	12
Tiến độ thực hiện đầu tư toàn nền kinh tế đang có nhiều khả quan	13
Xuất khẩu suy yếu so với tháng trước do nhu cầu yếu tại EU, Mỹ	14
Tăng trưởng cung tiền thấp gây khó lên Huy động & Tín dụng hệ thống ngân hàng	15

Ngân hàng Nhà nước nâng lãi suất điều hành 2 lần liên tiếp nhằm hạn chế áp lực tỷ giá	16
---	----

Diễn biến thị trường chứng khoán	17
Tổng hợp sự kiện tiêu biểu trong năm	18
Thị trường tiếp tục điều chỉnh sau nhịp phục hồi	19
Các ngành đều chung xu hướng giảm	20
Thanh khoản tiếp tục sụt giảm	21
Tất cả các nhóm ngành đều có sự sụt giảm thanh khoản	22
Khối ngoại có dấu hiệu tích cực	23
Cập nhật Kết quả kinh doanh Quý 3/2022	24
Rủi ro thị trường trái phiếu khiến tâm lý thị trường bi quan	25
Ngành tiêu điểm: BĐS Khu công nghiệp	26
Ngành tiêu điểm: Dầu khí	27
Góc nhìn PTKT: Tiếp tục cản trở khi giao dịch	28



Thị trường tháng vừa qua và triển vọng những tháng cuối năm

BỨC TRANH TOÀN CẦU

evs[®] Các tổ chức tài chính tiếp tục hạ triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu

evs[®] Dữ liệu kinh tế Mỹ chưa cho thấy tín hiệu tích cực

evs[®] Lạm phát do áp lực giá năng lượng khiến sản xuất tại Châu Âu thu hẹp

evs[®] Đại hội đảng Trung Quốc diễn ra với nhiều quyết định quan trọng

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM 10/2022

evs[®] Sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi với **IIP tháng 9/2022 tăng 13.01% YoY. PMI tháng 8 đạt 52.5 điểm**

evs[®] Bán lẻ phục hồi vượt các giai đoạn cùng kỳ, **tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 9 tăng 24.09% YoY**

evs[®] Chính sách tiền tệ chặt chẽ, **CPI bình quân 9 tháng đầu năm tăng 2.73% YoY**

evs[®] Giải ngân đầu tư công tăng tốc, **9 tháng giải ngân 52% kế hoạch năm**

evs[®] Nhu cầu tại các đối tác quan trọng sụt giảm, **kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng 13.7% YoY**

evs[®] NHTW tăng lãi suất điều hành ngăn chặn đà mất giá của VNĐ.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 10/2022

evs[®] Nhịp phục hồi chưa thuyết phục, VNINDEX **giảm 9.31%.**

evs[®] Dòng tiền chưa có dấu hiệu quay trở lại, **thanh khoản giảm 21% MoM**

evs[®] Đa số các nhóm ngành giảm điểm, **điểm sáng ở nhóm Dầu khí**

evs[®] Khối ngoại mua ròng **2,235 tỷ đồng**

evs[®] Các nhóm ngành EVS quan tâm trong tháng 9 bao gồm **Dầu khí & Bán lẻ**

evs[®] Theo góc nhìn PTKT của chúng tôi, **thị trường sẽ hướng tới vùng hỗ trợ 971** trong tháng 11



BỨC TRANH TOÀN CẦU

CÁC TỔ CHỨC LỚN HẠ TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG GDP TOÀN CẦU

World Bank: Ngân hàng Thế giới tiếp tục hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu xuống mức 1,9%

Ngày 13/10, Chủ tịch Ngân hàng Thế giới (WB) David Malpass cảnh báo: nền kinh tế toàn cầu đang tiến gần "một cách nguy hiểm" đến suy thoái. Nguyên nhân chính lạm phát, lãi suất tăng và gánh nặng nợ ngày càng tăng ảnh hưởng tới các nước đang phát triển. Gốc rễ của vấn đề này có lẽ bắt nguồn từ cuộc chiến tranh Nga – Ukraine khiến giá hàng hóa cơ bản và năng lượng tăng cao. Như vậy, mức dự báo này của WB tiếp tục thấp hơn mức dự báo trước đó, là 2.8% vào tháng 08/2022 và thấp hơn mức 4.1% vào thời điểm đầu năm 2022. Về triển vọng năm 2023, vị chủ tịch này cũng cho biết: "Chúng tôi đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 từ 3% xuống 1,9%, mức gần nguy hiểm với suy thoái kinh tế thế giới".

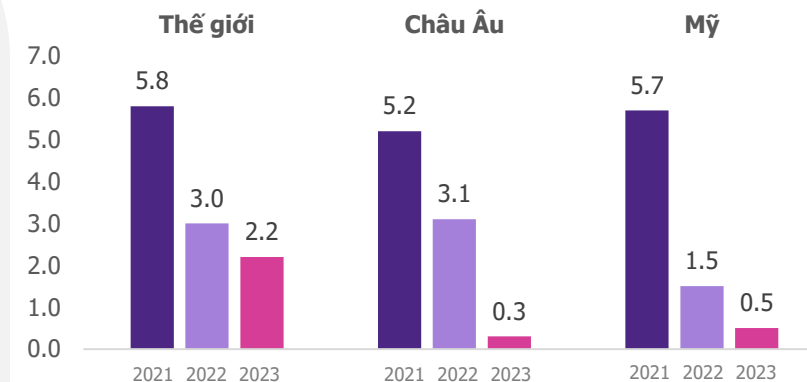
IMF: Quỹ Tiền tệ Thế giới dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu tiếp tục ở mức thấp

Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới tháng 10 năm 2022 mang tựa đề: "Countering the Cost-of-Living Crisis" (Đối phó với cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt), IMF đã đưa ra dự báo mức tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2022 đạt 3.2%. Mức này thấp hơn dự báo hồi đầu năm của IMF là 4.4% vào đầu năm 2022 nhưng bằng với mức dự báo gần nhất trước đó vào tháng 07/2022. Nếu đúng như dự báo, đây sẽ là mức tăng trưởng yếu nhất trong 20 năm nay của kinh tế toàn cầu. Nguyên nhân đến từ chi phí sinh hoạt tăng cao, chính sách tiền tệ thắt chặt được ban hành ở nhiều quốc gia mà tác nhân đến từ cuộc chiến tranh Nga – Ukraine và đại dịch Covid-19 vẫn còn hoành hành tại nhiều nơi trên thế giới.

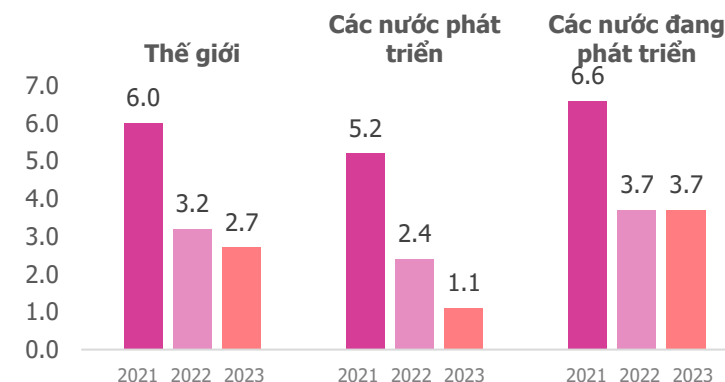
OECD: Duy trì dự báo tăng trưởng thấp đối với kinh tế toàn cầu

Báo cáo mới nhất của OECD với tiêu đề: "Paying the Price of War" (Cái giá phải trả cho chiến tranh) được xuất bản ngày 22/09/2022. Trong báo cáo, OECD tiếp tục duy trì kém khả quan đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Cụ thể, tăng trưởng GDP toàn cầu sẽ đạt 3.0% vào năm 2022 nhưng triển vọng năm 2023 sẽ kém lạc quan hơn (so với con số được dự báo trước đó, vào tháng 06/2022). Nguyên nhân tương tự như trên, đến từ chiến tranh Nga – Ukraine và tình trạng Covid-19 kéo dài tại một số nơi khiến lạm phát tăng cao, các chính sách tiền tệ được ban hành khiến chi tiêu người dân giảm.

Dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu của OECD



Dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu của IMF



Tăng lãi suất: Xuất khẩu ảnh hưởng

PMI tháng 10 công bố thấp hơn dự báo, các nhà sản xuất kém lạc quan

Ngày 03/10, viện Quản lý Cung ứng (ISM) đã công bố số liệu PMI tháng 10 tại Mỹ. Theo đó, PMI sản xuất tháng 10 tại Mỹ đạt 50.9 điểm, thấp hơn dự báo của các chuyên gia (52.2 điểm) và thấp nhất kể từ tháng 07/2020. Điều này cho thấy mặc dù các doanh nghiệp sản xuất Mỹ vẫn tiếp tục mở rộng sản xuất nhưng không còn lạc quan như trước. Nguyên nhân gốc rễ đến từ chính sách tiền tệ thắt chặt của FED đã dẫn đến việc đồng Dollar tăng giá mạnh so với các đồng tiền khác, chỉ số DXY tiếp tục lập đỉnh mới trong 20 năm. Tỷ giá đè nặng lên nhu cầu của khách hàng nước ngoài dẫn đến đơn hàng xuất khẩu giảm.

Sau các đợt tăng lãi suất, lạm phát Mỹ vẫn tiếp tục tăng trong tháng 9

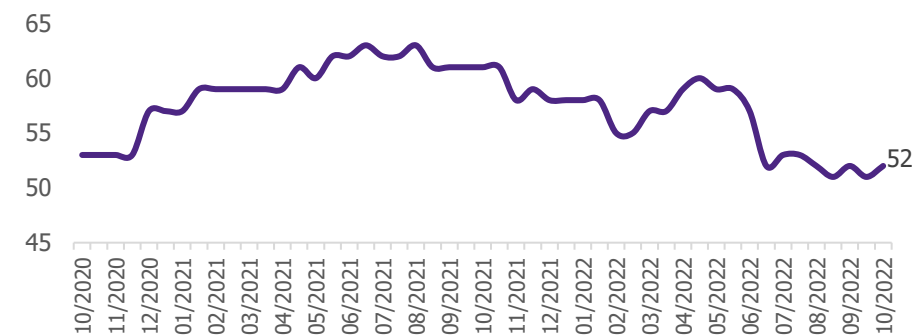
Ngày 13/10, BLS công bố chỉ số giá tiêu dùng CPI của Mỹ tháng 9/2022. Cụ thể, lạm phát tháng 9 tăng 8.2% so với cùng kỳ năm trước và ở một trong những mức tăng cao kỷ lục tại Mỹ kể từ năm 1980. So với tháng trước, lạm phát Mỹ đã tiếp tục tăng nhẹ 0.4%. EVS Research nhận thấy, các chính sách tiền tệ thắt chặt của FED vẫn chưa thực sự hiệu quả trong việc kiềm chế lạm phát. Mục tiêu của tăng lãi suất để giảm chi tiêu. Tuy nhiên, chi tiêu của người tiêu dùng tại Mỹ chưa có dấu hiệu giảm khi người dân tiếp tục tiêu dùng nhờ khoản trợ cấp chi tiêu do Covid-19 của chính phủ.

Tỷ lệ thất nghiệp giảm nhẹ so với tháng trước và ở mức thấp

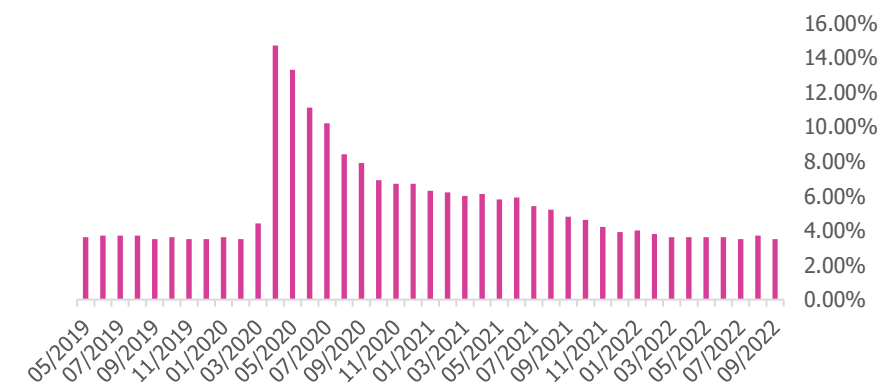
Ngày 07/10, Bộ Lao động Mỹ đã công bố tỷ lệ thất nghiệp tháng 9/2022. Số liệu cho thấy, tỷ lệ thất nghiệp đạt 3.5%, giảm nhẹ 2% so với tháng trước và ở mức thấp nhất kể từ tháng 05/2020. Điều này hợp lý trong bối cảnh các nhà sản xuất Mỹ tiếp tục mở rộng sản xuất, mặc dù chỉ ở mức thấp.

Đánh giá: EVS Research cho rằng, việc lạm phát tiếp tục ở mức cao và tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức thấp, sẽ gia tăng xác suất FED tiếp tục tăng lãi suất trong đợt cuối năm nay.

PMI Hoa Kỳ

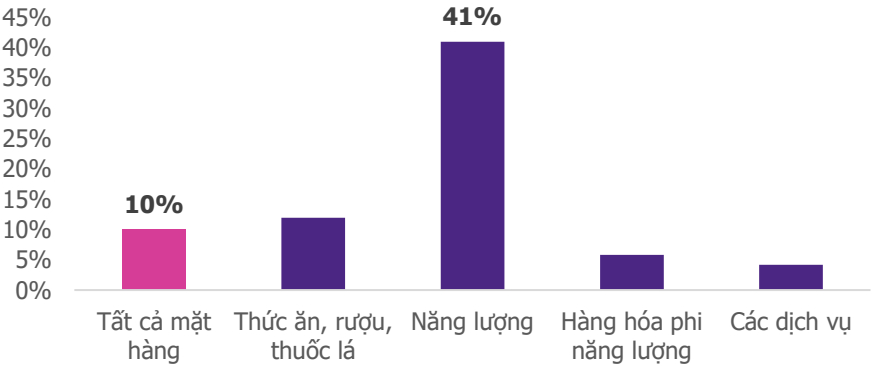


Tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ

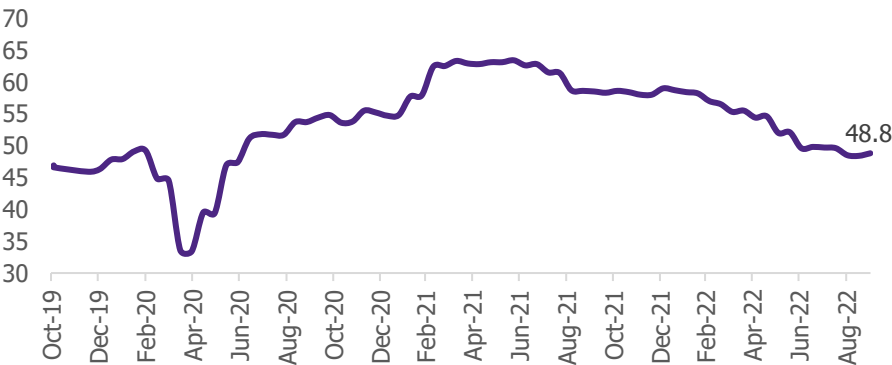


Lạm phát kỷ lục, sản xuất thu hẹp tại châu Âu do vấn đề năng lượng

Tỷ lệ lạm phát tại EU



PMI Khu vực EU



Lạm phát khu vực Euro cao nhất 30 năm. Các quốc gia Đông Âu chịu hậu quả nặng nề

Theo số liệu lạm phát tháng 9, lạm phát tại khu vực EU đã tăng 9.9% so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 1.2% so với tháng trước. Đây là mức tăng cao nhất trong 30 năm của khu vực này. Nguyên nhân chính vẫn đến từ giá năng lượng tăng cao, với mức tăng trung bình 41% so với cùng kỳ năm trước. Mùa đông tại châu Âu đã đến, nhu cầu sưởi ấm sẽ tiếp tục tăng và có thể kéo giá năng lượng tăng cao hơn nữa. Các quốc gia có mức lạm phát cao nhất trong khu vực là các nước thuộc vùng Đông Âu: Latvia (lạm phát tăng 22.4% YoY), Lithuania (+22.5% YoY), Estonia (+24.2% YoY),... Đây là các quốc gia gần Nga và phụ thuộc trên 80% nguồn năng lượng đến từ Nga. Việc từ chối nhập dầu và khí đốt từ Nga theo chính sách chung của khu vực khiến các quốc gia này chịu hậu quả nặng nề nhất về lạm phát.

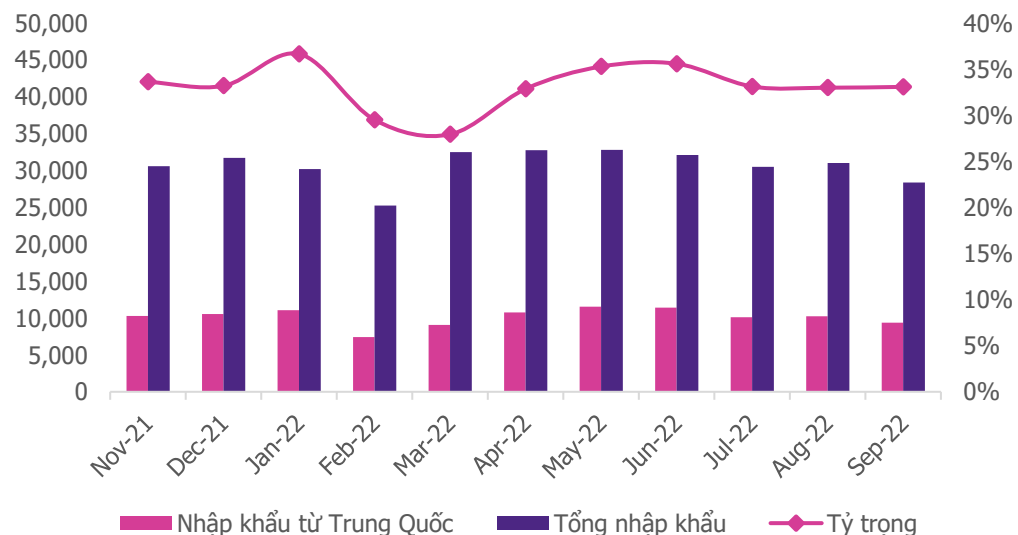
Các doanh nghiệp thu hẹp sản xuất phản ánh qua chỉ số PMI xuống mức thấp nhất kể từ đại dịch

Ngày 03/10, IHS Markit công bố PMI tháng 9 của khu vực Euro. Theo báo cáo, PMI của khu vực sản xuất chỉ đạt 48.4, thấp nhất kể từ tháng 08/2020. Hai nền kinh tế lớn nhất khu vực là Pháp (PMI 47.7), Đức (PMI 47.8) đều ở mức thấp nhất trong 27 tháng. Điều này cho thấy các nhà sản xuất tại EU đang thu hẹp sản xuất và kém lạc quan về triển vọng kinh tế. Nguyên nhân đến từ các nhà sản xuất cắt giảm sản lượng do giá năng lượng tăng cao. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp vẫn duy trì ở mức 6.6%, thấp nhất trong 5 năm.

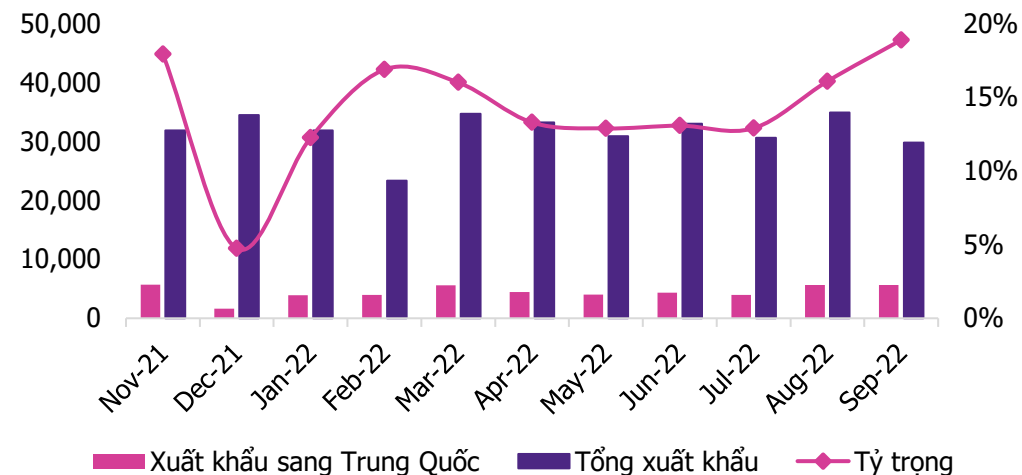
Đánh giá: EVS cho rằng, lạm phát cao sẽ khiến cầu tiêu dùng tại các nước châu Âu tiếp tục giảm trong các tháng tới, từ đó ảnh hưởng tới các quốc gia xuất khẩu nhiều sang EU như Việt Nam. Ở chiều ngược lại, EU thu hẹp sản xuất là cơ hội cho các nước châu Á, bao gồm Việt Nam – với lợi thế sản xuất chi phí rẻ hơn nhiều so với các khu vực khác trên thế giới.

Đại hội Đảng Trung Quốc đã diễn ra với nhiều quyết sách quan trọng

Nhập khẩu từ Trung Quốc



Xuất khẩu sang Trung Quốc



 Trung Quốc đã khai mạc Đại hội Đảng vào ngày 16/10. Đây là sự kiện quan trọng 5 năm một lần đối với đời sống chính trị tại Trung Quốc. Có rất nhiều thông tin xoay quanh sự kiện này. Tuy nhiên, thông tin được giới đầu tư quan tâm nhất là việc Trung Quốc sẽ tiếp tục các biện pháp thắt chặt đối với Covid-19. Có lẽ, mục tiêu của Trung Quốc trong giai đoạn này nghiêng về phía ổn định kinh tế hơn là mục tiêu tăng trưởng.

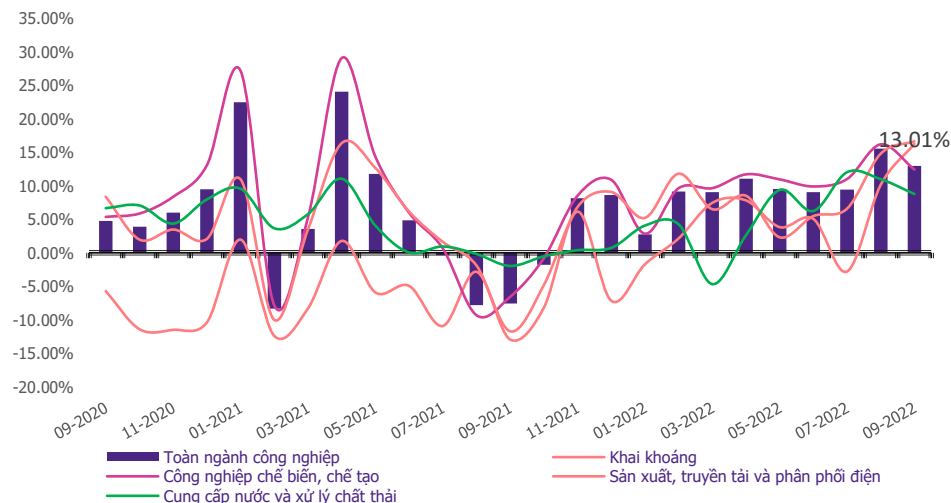
 **Đánh giá:** EVS cho rằng, điều này sẽ khiến cho việc xuất nhập khẩu của Việt Nam trở nên khó khăn hơn khi Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam và là thị trường xuất khẩu của nhiều doanh nghiệp niêm yết.



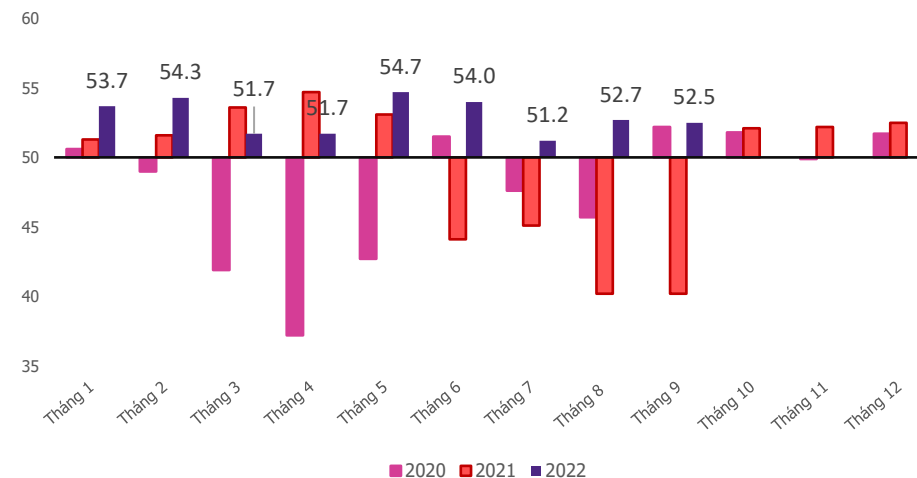
KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

Các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất khi chi phí đầu vào được kiểm soát tốt

Chỉ số Sản xuất Công nghiệp



Chỉ số Nhà Quản trị mua hàng



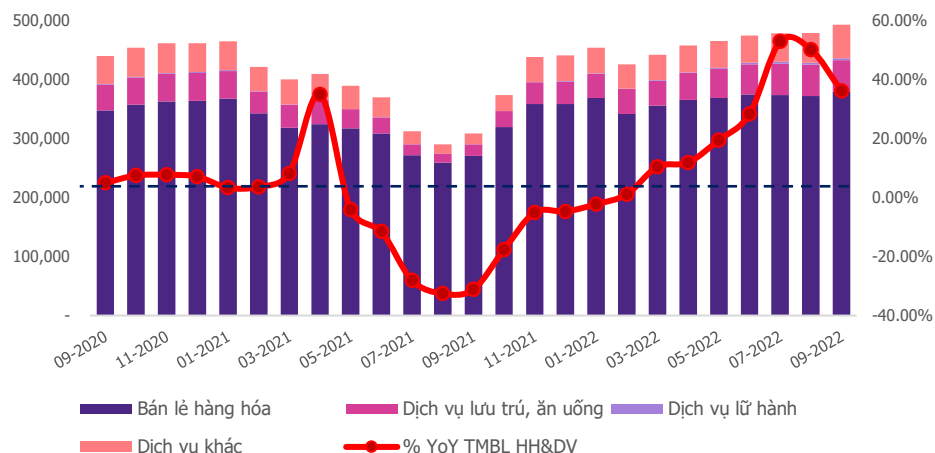
Sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng mạnh trong tháng 9 vừa qua với mức tăng 13.01% YoY và 1.8% MoM, trong đó có thể kể đến một số ngành cấp hai trọng điểm như: Sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 26.8% so với cùng kỳ năm 2021; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 41.2%; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tăng 41.9%,... Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 11.4% YoY.

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam đạt 52.5 điểm trong tháng 9 khi nhu cầu cải thiện cùng với sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới. Bên cạnh đó, chi phí tiếp tục được kiểm soát khi giá dầu giảm. Điểm kém khả quan là các nhà xuất khẩu cho thấy đơn đặt hàng mới giảm. Tuy nhiên, xét trên tổng thể, kỳ vọng các điều kiện thị trường ổn định và nhu cầu khách hàng cải thiện đã có tác động tích cực lên tâm lý các nhà sản xuất trong nước.

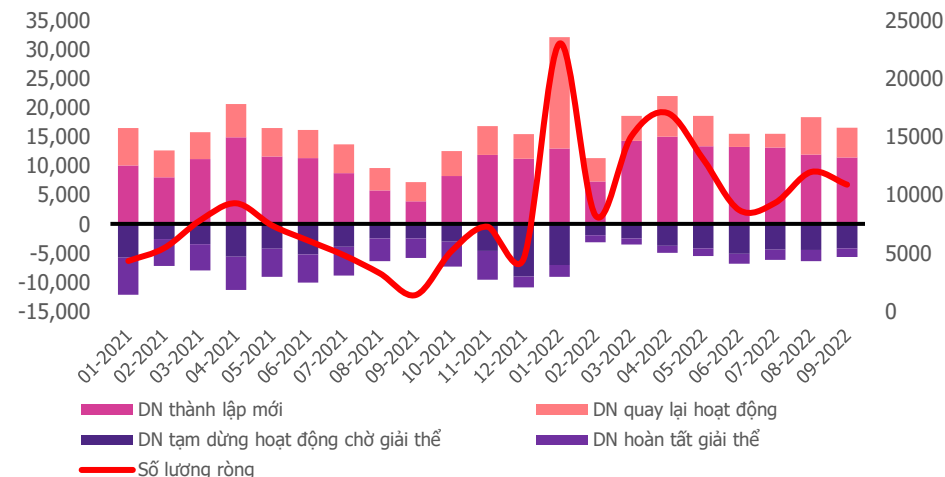
Chúng tôi kỳ vọng sản xuất công nghiệp sẽ tiếp tục mở rộng với tốc độ tăng trưởng YoY cao 2 con số trong 3 tháng cuối năm khi các doanh nghiệp trong nước chứng minh khả năng thích ứng tương đối tốt trong bối cảnh vĩ mô toàn cầu nhiều biến động và áp lực xuất khẩu khi tỷ giá có nhiều biến động trong ngắn hạn.

Bán lẻ duy trì đà tăng mạnh trong quý 3 nhờ mức nền thấp cùng kỳ 2021

Tổng mức bán lẻ hàng hóa & dịch vụ



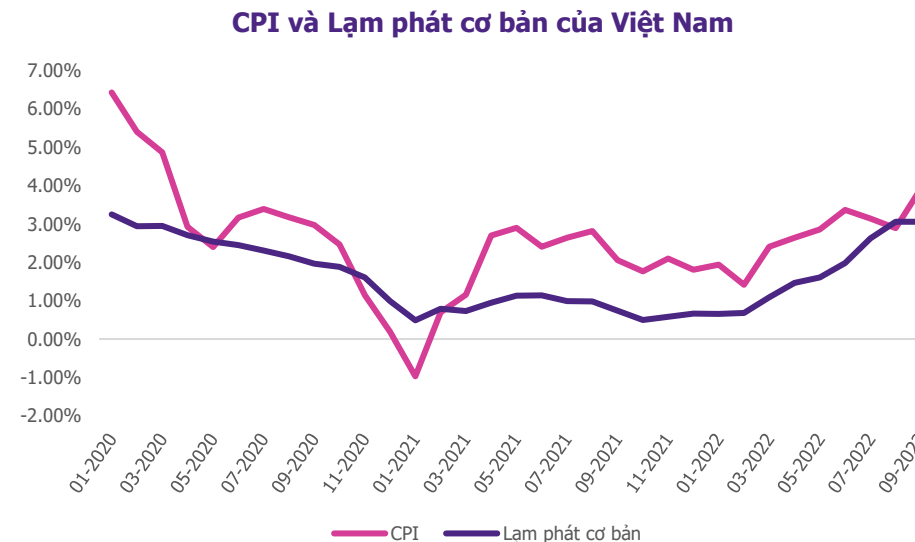
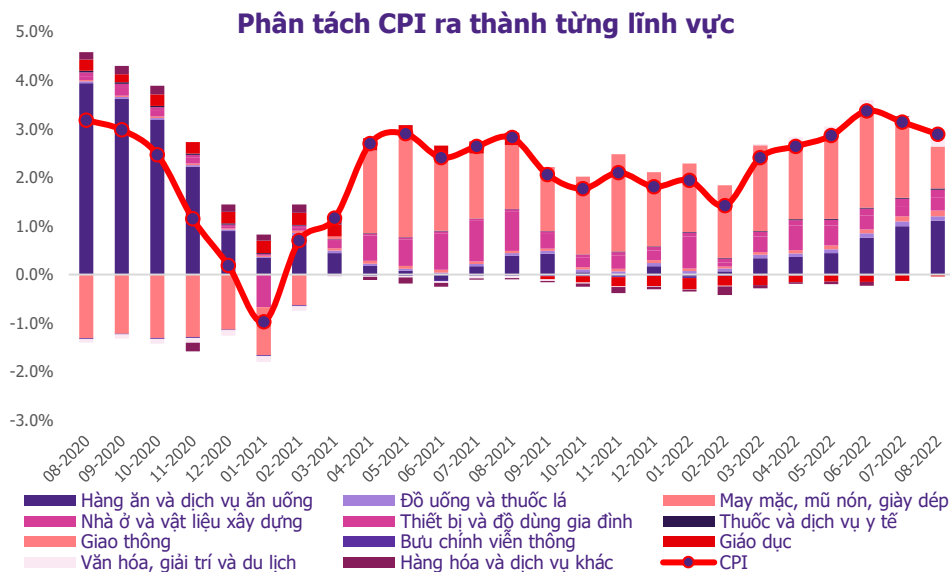
Đăng ký kinh doanh



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 09 đạt 493.1 nghìn tỷ đồng (tăng 2.9% MoM và tăng % YoY trên nền tháng 9 năm ngoái rất thấp). Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 24.09% YoY, ước đạt 4,170.2 nghìn tỷ đồng – đây là mức tăng cao hơn rất nhiều so với nhiều kỳ trở lại. Cụ thể, Doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng năm 2022 tăng 18.9%; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và Doanh thu du lịch lữ hành 9 tháng năm 2022 tăng lần lượt 55.9% và 292.5% YoY khi nhu cầu du lịch hậu đại dịch tăng cao so với năm 2021 du lịch bị hạn chế và chưa đón khách quốc tế.

Tháng 9/2022 có 11.466 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 194,1% so với cùng kỳ năm 2021. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong Quý III/2022 là 36.558 doanh nghiệp, gấp 2 lần so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân chính khiến số doanh nghiệp thành lập mới tăng mạnh trong tháng 9 và Quý III/2022 so với cùng kỳ năm ngoái là do tháng 9 và Quý III/2021 là giai đoạn dịch bệnh Covid-19 có diễn biến phức tạp. Các biện pháp phong tỏa, giãn cách xã hội được thực hiện mạnh mẽ tại các tỉnh, thành phố, trung tâm kinh tế lớn, tập trung nhiều doanh nghiệp của cả nước như TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai,... đã khiến hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề, ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình doanh nghiệp gia nhập thị trường.

Các chính sách hợp lý của Chính phủ khống chế lạm phát ở mức thấp



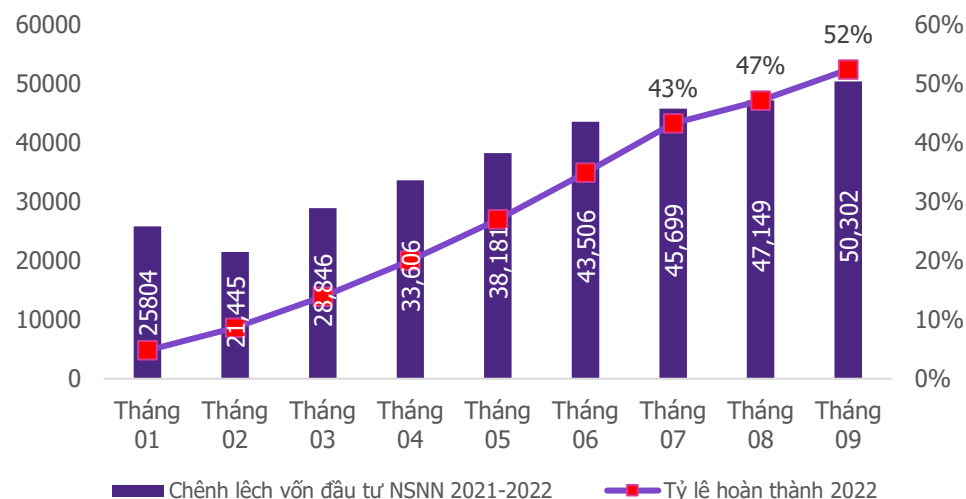
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2022 tăng nhẹ so với tháng trước (+0.4% MoM) so với tháng trước, tăng 3.8% YTD và tăng 3.94% YoY. Bình quân 9 tháng đầu năm, **CPI tăng 2.73% YoY**; lạm phát cơ bản tăng 1.88% YoY. Một số thay đổi nổi bật có thể kể đến như: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3.65% do các cửa hàng ăn uống tăng giá từ đợt giá xăng dầu tăng; Giáo dục tăng 8.37% do các thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tăng học phí năm học mới 2022-2023.

CPI 9 tháng đầu năm của Việt Nam được kiểm soát tốt bất chấp những biến động tiêu cực của giá xăng dầu. Tuy nhiên áp lực lạm phát vẫn còn hiện hữu khi có thể thấy, **lạm phát cơ bản (loại bỏ trực tiếp 16 nhóm hàng lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và giá do Nhà nước quản lý) đã tăng lên mức 3.82%**, cao hơn hơn CPI tháng và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới khi việc tăng giá nguyên liệu đầu vào do đứt gãy chuỗi cung ứng đang dần được phản ánh vào giá cả các mặt hàng thiết yếu.

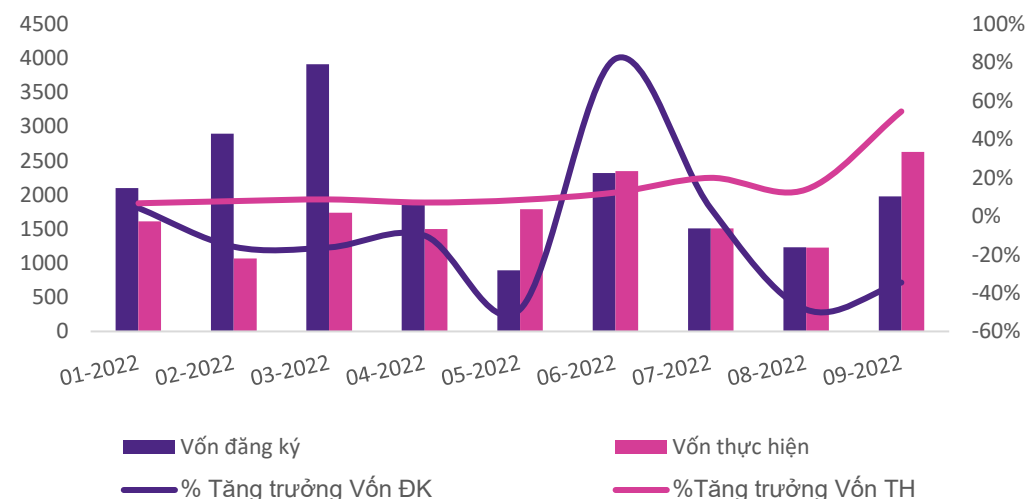
Tuy nhiên, nhờ việc giá năng lượng hạ nhiệt, chính sách tiền tệ chặt chẽ cũng như khả năng thích ứng tốt, chia sẻ gánh nặng với người dân của các doanh nghiệp trong nước, mặt bằng giá cả hàng hóa trong 3 tháng cuối năm sẽ không có quá nhiều biến động tiêu cực. Do đó, **chúng tôi tiếp tục điều chỉnh dự phóng CPI năm 2022 sẽ được duy trì dưới ngưỡng 4%.**

Tiến độ thực hiện đầu tư toàn nền kinh tế đang có nhiều khả quan

Tốc độ triển khai vốn đầu tư NSNN 2022



Vốn Đầu tư trực tiếp FDI

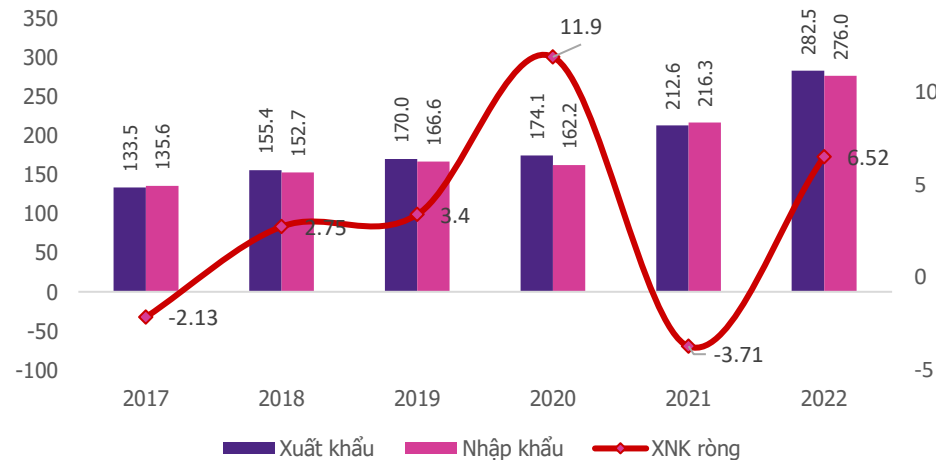


Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước (đầu tư công) trong 9 tháng đầu năm ước đạt 334.5 nghìn tỷ đồng (+20.8% YoY), hoàn thành 52% kế hoạch năm. Tốc độ triển khai đầu tư công đang có xu hướng tăng nhanh trong 3 tháng trở lại đây, đặc biệt tính riêng tháng 9, Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 20.3 nghìn tỷ đồng (+43.0% YoY). Mức tăng này đạt được khi chính phủ liên tục đưa ra những biện pháp đốc thúc, hỗ trợ kịp thời đốc thúc giải ngân vốn đầu tư công tại các đơn vị bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương (Nghị định số 10/2021/NĐ-CP; Công văn số 727/TTg-KTTH,...). Do đó, **chúng tôi duy trì kỳ vọng đầu tư công cả năm sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng 20-25%, đặc biệt khi ngân sách nhà nước đang dồi dào trong thời điểm hiện tại.**

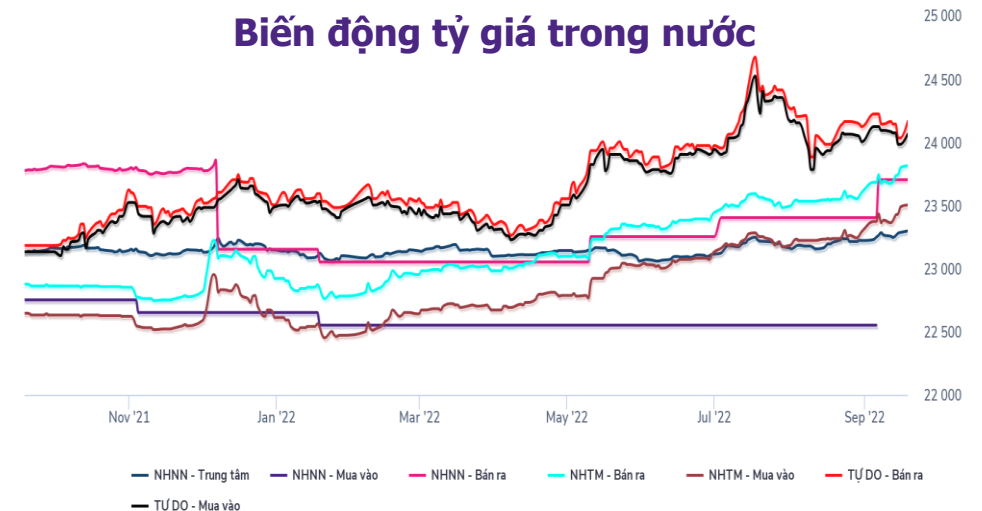
Tổng vốn đầu tư nước ngoài FDI đạt gần 18.7 tỷ USD (-3% MoM) do chịu tác động bởi những biến động địa chính trị và tăng trưởng kinh tế toàn cầu bất ổn. Tuy nhiên, **vốn FDI thực hiện vẫn tăng 16.2% YoY, đạt 15.43 tỷ USD – mức cao nhất trong 5 năm qua** nhờ việc các dự án đầu tư lớn như Nhà máy đồ chơi Lego bắt đầu thực hiện. Xét về từng khu vực kinh tế: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 12.1 tỷ USD, chiếm 65% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; Hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 3.5 tỷ USD, chiếm 18.7%; tiếp theo lần lượt là các ngành hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ, bán buôn và bán lẻ với vốn đăng ký đạt lần lượt 676.9 triệu USD và 617.9 triệu USD.

Xuất khẩu suy yếu so với tháng trước do nhu cầu yếu tại EU, Mỹ

Tình hình xuất nhập khẩu 9T2022



Biến động tỷ giá trong nước

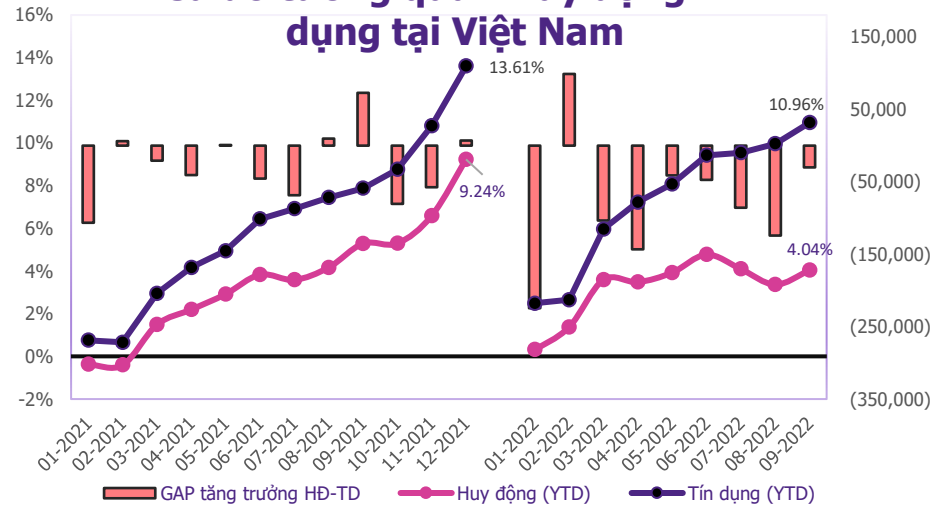


Chỉ số DXY vượt ngưỡng 112 điểm là áp lực chính lên tỷ giá VND. Tính từ đầu năm đến nay, **USD đã tăng giá 9.4% so với VND** và có thể sẽ tiếp tục tăng lên trong bối cảnh FED tiếp tục mạnh tay nâng lãi suất trong kỳ họp tháng 11 tới đây. **SBV cũng đã phải can thiệp vào thị trường bằng cách bán ra một lượng dự trữ ngoại hối tương đương với gần 15% dự trữ trong thời gian qua.** Tuy nhiên chúng tôi cho rằng đây là hoạt động cần thiết để duy trì sự ổn định trên thị trường, tránh tình trạng nhập khẩu lạm phát cũng như dòng vốn nước ngoài chảy ra khỏi Việt Nam trong thời gian tới.

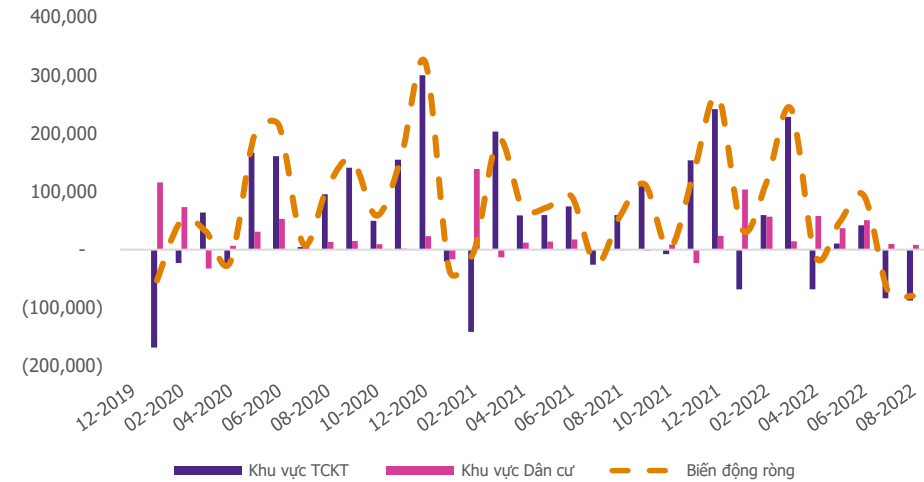
Xuất khẩu tiếp tục cho thấy những khó khăn. **Trong tháng 9/2022, tổng giá trị xuất khẩu đạt 29.94 tỷ USD, giảm 14.3% so với tháng trước và nhập khẩu đạt 28.8 tỷ USD, giảm 7.3% so với tháng trước.** Tính chung 9 tháng, xuất khẩu đạt 282.52 tỷ USD (+17.3% YOY); nhập khẩu đạt 276,00 tỷ USD (+13% YoY). Tuy nhiên, xuất khẩu trong quý 3 bắt đầu chậm lại so với quý 2 khi kim ngạch đạt 96.5 tỷ USD, giảm 0.5% so với Q2/2022. Nguyên nhân gốc rễ đến từ việc người dân tại các quốc gia xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam (Mỹ, EU) giảm chi tiêu trong bối cảnh lạm phát tăng cao, chi phí cuộc sống đắt đỏ. Cụ thể, xuất khẩu sang EU giảm -15.67% so với tháng trước, xuất Mỹ giảm -17.92%. Về chính sách, Chính phủ và các Bộ ban ngành cam kết sẽ tiếp tục tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp về thông tin thị trường, xúc tiến xuất khẩu, tận dụng cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết, giảm thiểu các thủ tục hành chính như các thủ tục hoàn thuế, thủ tục thông quan xuất nhập khẩu, cấp chứng nhận xuất xứ (C/O), tìm kiếm nguồn cung nguyên vật liệu với giá cả phù hợp cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

Tăng trưởng cung tiền thấp gây khó lên Huy động & Tín dụng hệ thống ngân hàng

Biểu đồ tương quan Huy động - Tín dụng tại Việt Nam



Biến động lượng tiền gửi tại các TCTD

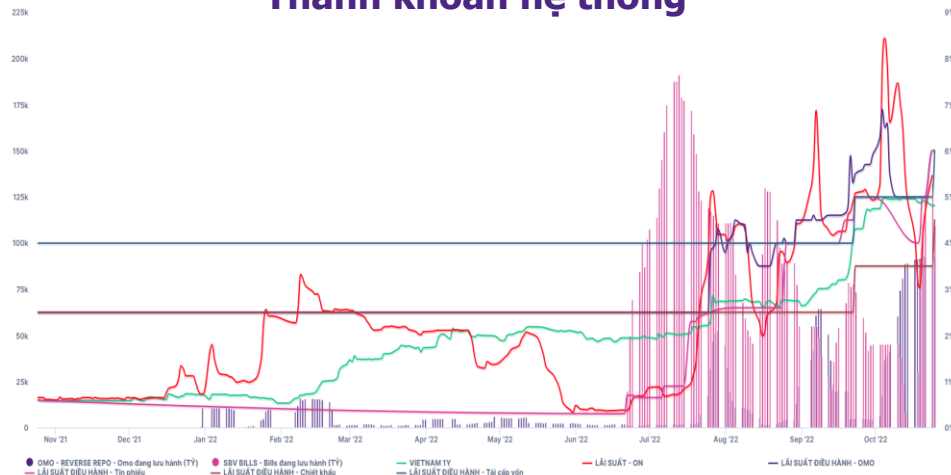


Tốc độ tăng trưởng tín dụng vẫn duy trì ở mức cao trong thời gian qua. Tính đến hết tháng 9/2022, **tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống ngân hàng đã đạt 10.96%** - cao hơn mức 7.88% năm 2021. Với việc duy trì hạn mức tín dụng toàn ngành ở mức 14% cho năm 2022, dự kiến quý 4 sẽ còn khoảng hơn 613 nghìn tỷ cho tín dụng – tăng khoảng 16.42% so với mức 527 nghìn tỷ cùng kỳ. Cụ thể, trong 9 tháng đầu năm, dư nợ cho vay ngoại tệ (chủ yếu cho lĩnh vực xuất nhập khẩu, đối tượng đủ điều kiện vay vốn bằng ngoại tệ) đạt 205 nghìn tỷ đồng, tăng 12.7% YTD; cho vay ngắn hạn bằng tiền đồng với lãi suất ưu đãi đối với 5 nhóm ngành lĩnh vực, gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa; nông nghiệp và nông thôn; xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 200 nghìn tỷ đồng, tăng 4% YTD.

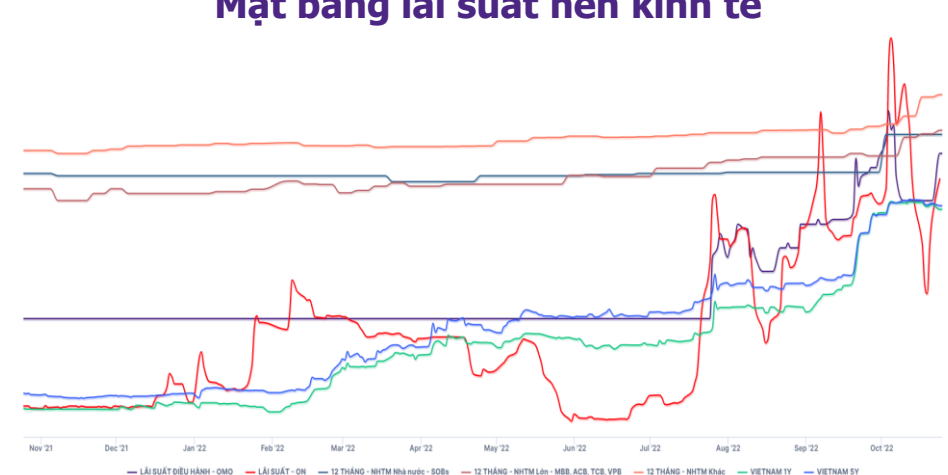
Về huy động tiền gửi toàn hệ thống, có thể thấy việc Ngân hàng Nhà nước tăng trần lãi suất đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng lên lần lượt 1%/năm và 6%/năm là phù hợp trong bối cảnh xu hướng **tăng trưởng Huy động rất thấp trong 9 tháng đầu năm – chỉ tăng 4.04% YTD** so với mức 5.29% cùng kỳ 2021. Đặc biệt nếu nhìn vào cơ cấu biến động lượng tiền gửi tại các Tổ chức Tín dụng, trong thời gian qua Khu vực TCKT có xu hướng rút ròng tiền gửi ra khỏi hệ thống ngân hàng (do vấn đề liên quan tới Trái phiếu doanh nghiệp?) trong khi lượng huy động ròng Khu vực dân cư trong hai tháng 7 và 8 chỉ khoảng 17.5 nghìn tỷ. Xu hướng tăng trưởng tín dụng chậm trong bối cảnh CSTT thắt chặt đã phần nào ảnh hưởng xấu đến CASA và lãi suất huy động một vài các Ngân hàng lớn trên thị trường trong quý 3/2022 vừa qua và dự kiến những tác động tiêu cực này sẽ kéo dài sang năm 2023 sắp tới.

Ngân hàng Nhà nước nâng lãi suất điều hành 2 lần liên tiếp nhằm hạn chế áp lực tỷ giá

Thanh khoản hệ thống



Mặt bằng lãi suất nền kinh tế



Chỉ trong vòng hơn 1 tháng, **Ngân hàng Nhà nước đã phải tăng lãi suất điều hành 2 lần liên tiếp** với mục tiêu rõ ràng: kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và tiền tệ. Cụ thể, tăng lãi suất tái cấp vốn lên 6%/năm; lãi suất tái chiết khấu lên 4.5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng lên 7%/năm. Ngân hàng Nhà nước cũng nâng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng lên 1%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng lên 6%/năm.

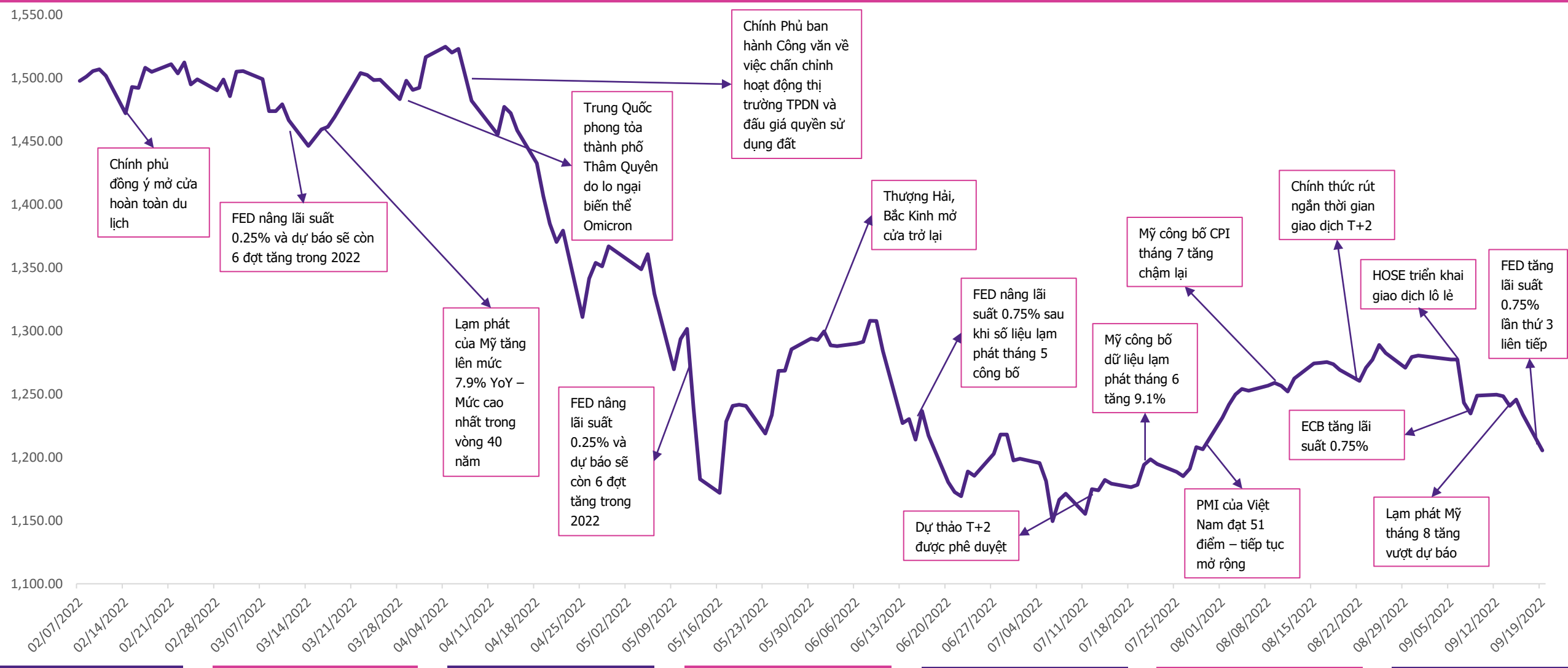
Thanh khoản hệ thống liên ngân hàng tiếp tục gặp nhiều khó khăn, sự vụ bắt Bà Trương Mỹ Hoa – Chủ tịch Vạn Thịnh Phát đã khiến Ngân hàng Nhà nước phải thực hiện chỉ đạo hỗ trợ thanh khoản đặc biệt Ngân hàng SCB trong ngắn hạn. Lãi suất ON biến động mạnh, tuy nhiên đã giảm xuống ở mức 5.46%, việc bơm rút tiền trên thị trường 2 được NHNN áp dụng triệt để nhằm hỗ trợ/phân phối lại luồng tiền giữa các NHTM trong bối cảnh lãi suất điều hành OMO và Tín phiếu đều đang neo ở mức 6%. Áp lực trong thời gian tới là vẫn còn, đặc biệt khi kế hoạch tăng lãi suất của FED với mức tăng dự kiến khoảng 125 bps gần như là chắc chắn sẽ khiến mặt bằng Tỷ giá & Lãi suất cuối năm 2022 phải chịu áp lực không hề nhỏ.

Trên thị trường 1, **mặt bằng lãi suất huy động ngay lập tức tăng sau thông báo tăng lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước**. Cụ thể, ở nhóm các NHTM nhỏ, mặt bằng trung bình lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng đã lên đến 7.24%/năm (+73 bps MoM) trong khi nhóm các NHTM lớn và SOB mặt bằng lãi suất cũng đã lên đến 6.4-6.5%/năm. Chi phí vốn huy động của các ngân hàng sẽ tăng lên trong thời gian tới trong khi lãi suất cho vay phải duy trì ổn định để hỗ trợ nền kinh tế dẫn đến NIM của hệ thống có khả năng suy giảm, gây áp lực lên KQKD nhóm ngành Ngân hàng trong các quý tiếp theo.

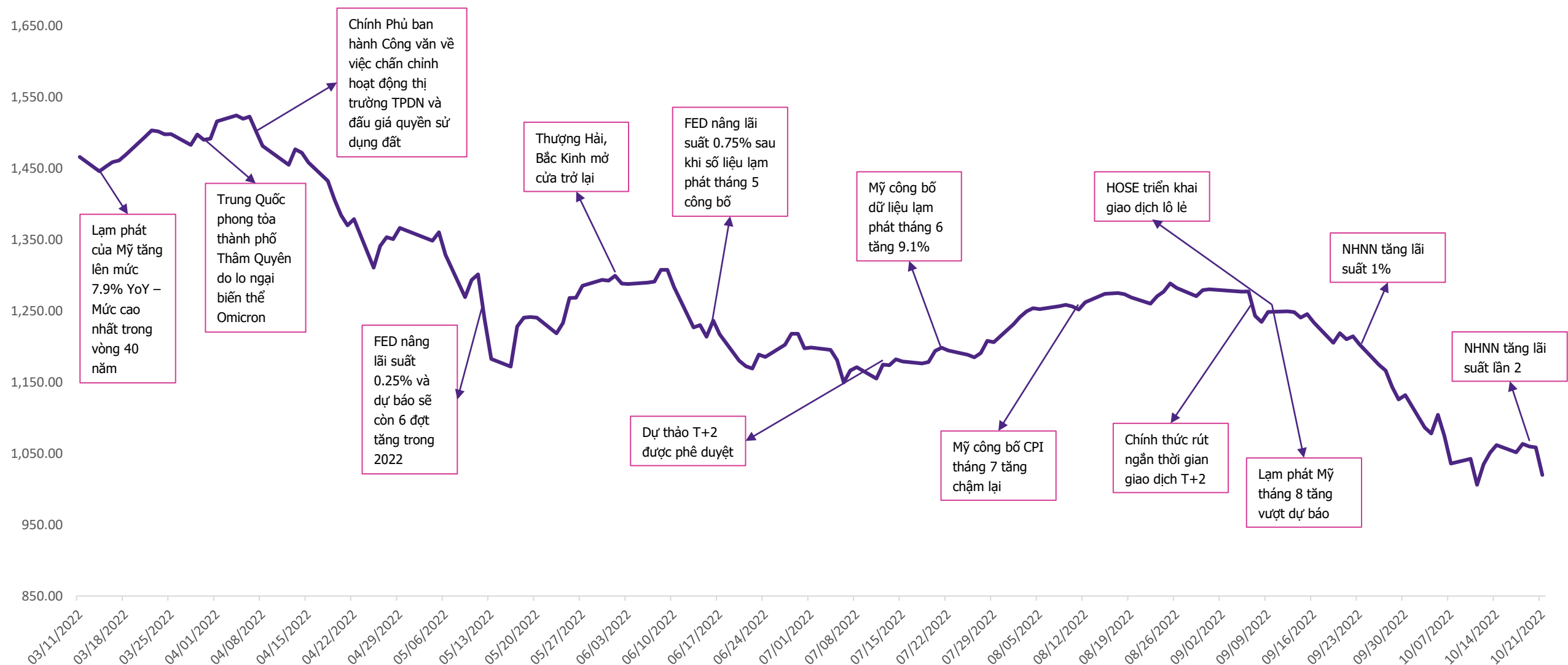


DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Tổng hợp sự kiện tiêu biểu trong năm

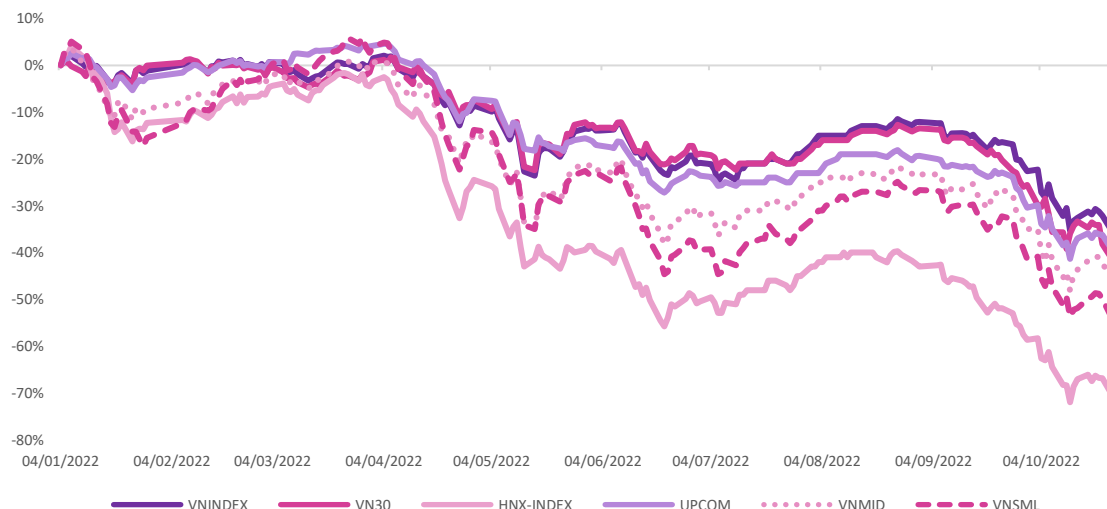


Tổng hợp sự kiện tiêu biểu trong năm



Thị trường tiếp tục điều chỉnh sau nhịp phục hồi

Biến động giá của các nhóm vốn hóa



Thị trường chưa thoát được khỏi vùng đáy



Kết thúc ngày 25/10, một nhịp phục hồi mặc dù đã xuất hiện tuy nhiên đã nhanh chóng thất bại. **VININDEX** ghi nhận mức giảm **215 điểm (-17.78% MoM, -39.48% YTD)**; **HNX Index** cũng có diễn biến tương tự, giảm **58.85 điểm (-22.05% MoM, -74.51% YTD)**; **Upcom Index** giảm **12.3 điểm (-13.89% MoM, -43.16% YTD)**. Theo nhóm vốn hóa, **VN30** giảm **19.27% MoM**; **VNMID** và **VNSML** lần lượt điều chỉnh **21.55%** và **24.24% MoM**

Sự kết hợp của việc thanh khoản sụt giảm và các thông tin tiêu cực khiến thị trường mặc dù đã có dấu hiệu của một nhịp hồi, tuy nhiên nhanh chóng quay trở lại với xu hướng chính. Trong tháng 10, các thông tin về (1) *NHNN nâng biên độ giao động tỷ giá USD/VND từ 3% lên 5%* (2) *Dữ liệu lạm phát Mỹ chưa có dấu hiệu khởi sắc* (3) *Đại hội Đảng Trung Quốc cho thấy sự kiên định với Zero Covid* (4) *Tình trạng của thị trường Trái phiếu doanh nghiệp* khiến tâm lý thị trường duy trì ảm đạm.

Các ngành đều chung xu hướng giảm

Tháng	01/2022	02/2022	03/2022	04/2022	05/2022	06/2022	07/2022	08/2022	09/2022	10/2022	% YTD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5%	4%	-4%	-5%	5%	-1%	-2%	5%	-5%	-3%	-1%
Công nghệ Thông tin	-6%	5%	13%	-3%	4%	-5%	-2%	4%	-7%	-10%	-7%
Bảo hiểm	-3%	5%	8%	-2%	-11%	0%	3%	3%	-8%	-10%	-15%
Bán lẻ	-4%	8%	8%	-1%	-4%	-1%	-13%	17%	-14%	-15%	-19%
Y tế	-8%	9%	0%	-7%	-6%	-5%	2%	-2%	-2%	-5%	-24%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-4%	9%	3%	-9%	-3%	-7%	2%	3%	-9%	-9%	-24%
Thực phẩm và đồ uống	-7%	4%	1%	-5%	-4%	-2%	2%	5%	-8%	-10%	-24%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2%	5%	5%	-5%	-3%	-2%	-4%	0%	-10%	-9%	-25%
Viễn thông	-8%	5%	13%	-4%	-9%	-18%	25%	-3%	-7%	-21%	-27%
Du lịch và Giải trí	-2%	10%	-1%	-9%	-5%	-6%	0%	-1%	-13%	-8%	-35%
Ngân hàng	8%	-4%	-1%	-9%	-7%	-7%	4%	6%	-14%	-11%	-35%
Dầu khí	5%	13%	-7%	-20%	10%	-3%	-6%	7%	-22%	-13%	-36%
VNINDEX	-1%	1%	0%	-8%	-5%	-7%	1%	6%	-12%	-12%	-37%
Ô tô và phụ tùng	-14%	8%	0%	-16%	-8%	-12%	5%	2%	-6%	-8%	-49%
Bất động sản	-4%	-4%	2%	-10%	-5%	-9%	0%	4%	-11%	-12%	-49%
Hóa chất	-15%	14%	7%	-10%	-9%	-6%	-2%	10%	-19%	-21%	-51%
Xây dựng và Vật liệu	-6%	5%	6%	-20%	-10%	-12%	8%	3%	-13%	-20%	-59%
Tài nguyên Cơ bản	-12%	12%	0%	-9%	-17%	-16%	-1%	5%	-9%	-20%	-67%
Truyền thông	-11%	11%	4%	-14%	-17%	-19%	-18%	11%	-10%	-19%	-82%
Dịch vụ tài chính	-17%	9%	-4%	-17%	-10%	-21%	10%	10%	-15%	-27%	-82%

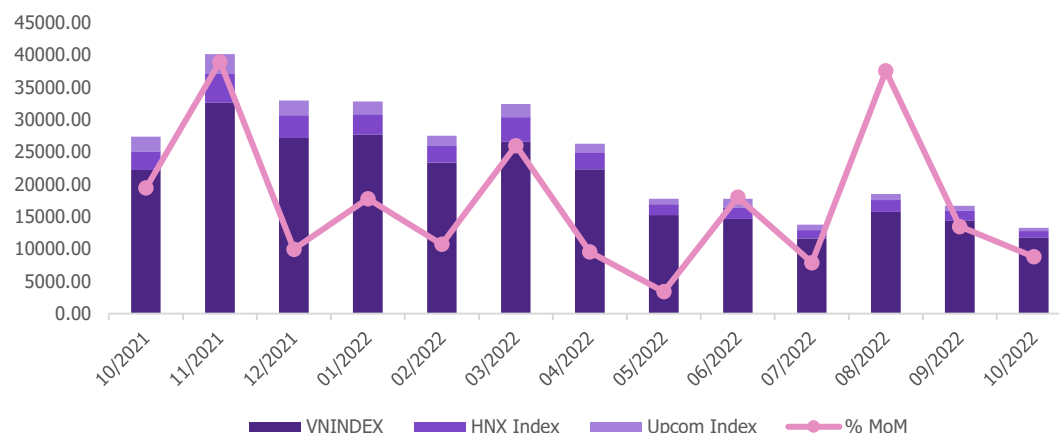
 Tính đến ngày 25/10, tất cả nhóm ngành đều bị điều chỉnh từ đầu tháng tới nay. Trong đó:

 Ngành có biến động tích cực nhất là **Điện, nước & xăng dầu khí đốt** khi chỉ giảm **3%** trong tháng 10, với sự đóng góp của **GAS (+0.98% MoM)**, **GE2 (+11.93% MoM)**. Một số nhóm ngành có biến động tốt hơn VNINDEX trong tháng 9 có thể nhắc tới như **Hàng & Dịch vụ công nghiệp -9%** (đại diện có **ACV -2.76%**); **Thực phẩm và đồ uống** giảm **10%** (đại diện **VNM -3.52%**, **SAB -1.07%**).

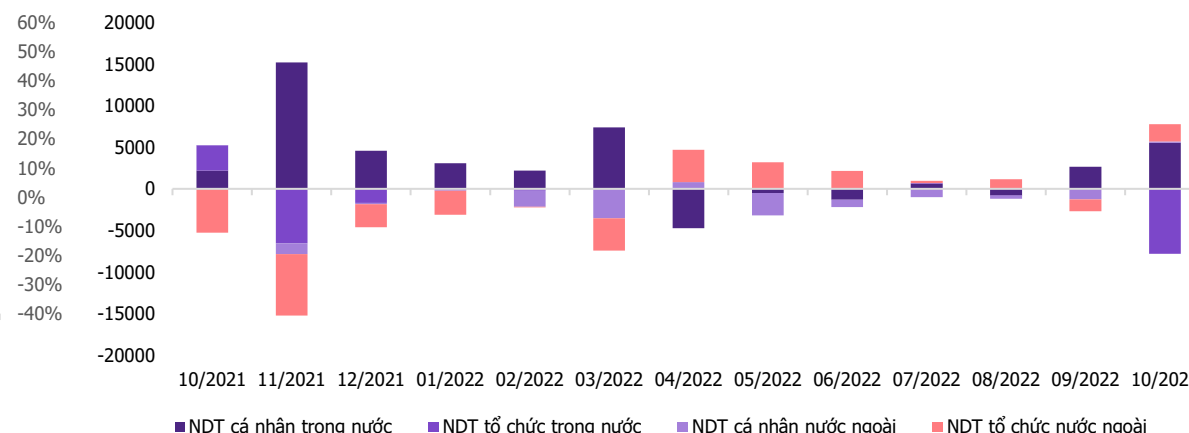
 Nhóm có biến động tiêu cực nhất trong tháng chính là nhóm **Dịch vụ tài chính** khi đã **giảm 14.15%**, với những mã diện diện như **SSI (-19.8%)** hay **VND (-26.67%)**.

Thanh khoản tiếp tục sụt giảm

Giá trị giao dịch trung bình phiên



Giá trị giao dịch ròng giữa các nhóm NĐT



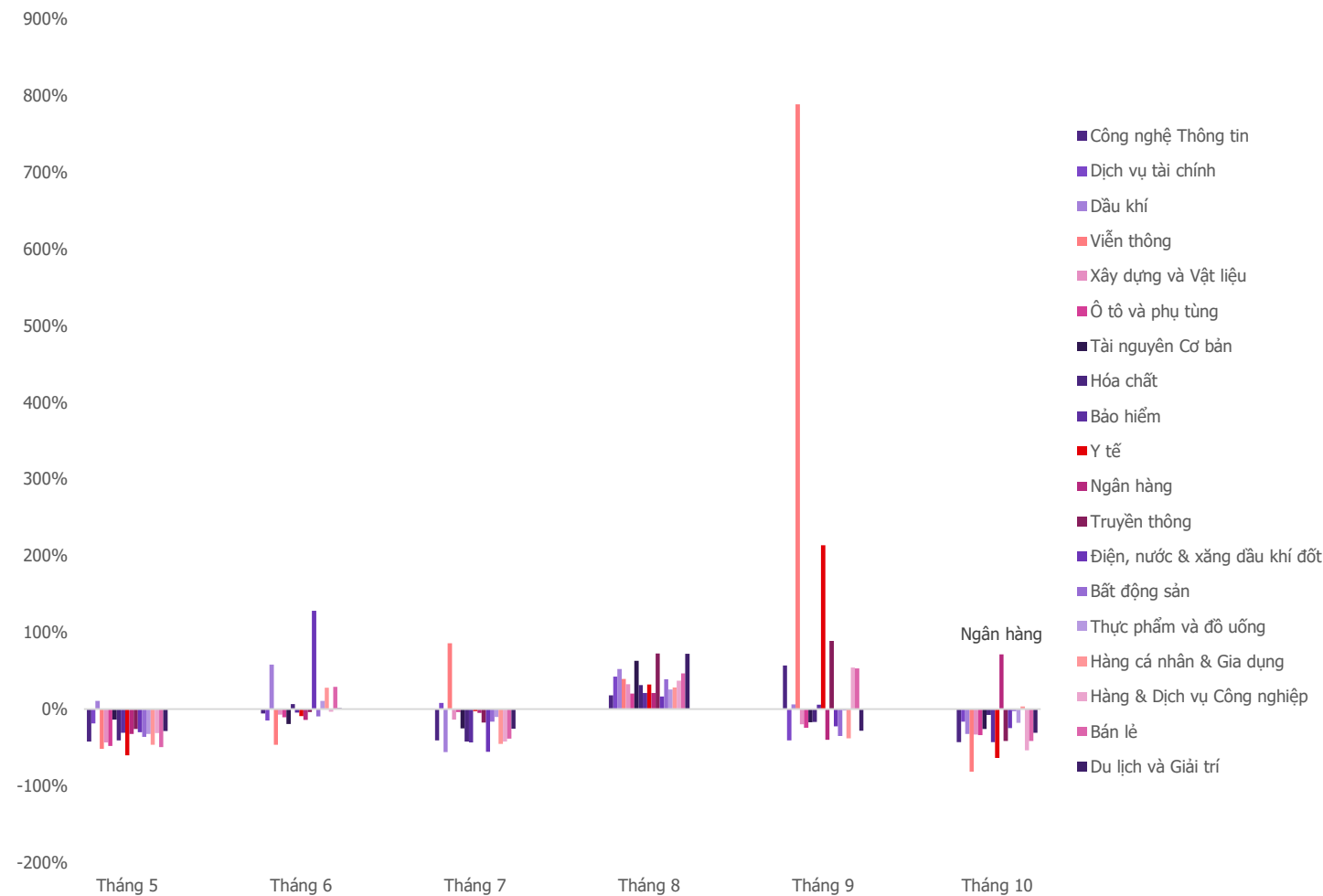
Nhịp phục hồi tháng 10 cho thấy sự thiếu chắc chắn khi Giá trị giao dịch (GTGD) trung bình phiên tháng 10 chỉ đạt **13,256 tỷ VNĐ/phiên (-20% MoM, -52% YoY)** cho thấy việc dòng tiền liên tục bị rút ra và chưa quay trở lại. Trong đó, GTGD trung bình phiên của **VNINDEX** đạt **11,738 tỷ VNĐ (-18% MoM, -47% YoY)**; **HNX Index** đạt **1014 tỷ VNĐ (-36% MoM, -64% YoY)**; **Upcom Index** đạt **503 tỷ VNĐ (-33% MoM, -78% YoY)**. Có thể thấy tác động của việc lãi suất huy động của các Ngân hàng thương mại liên tục tăng cùng với các thông tin tiêu cực đã khiến thị trường chứng khoán trở nên thiếu hấp dẫn, không thể thu hút được dòng tiền lớn.

Trong tháng 10, NĐT cá nhân trong nước đã tiếp tục đà mua ròng của tháng 9, đạt **5,576 tỷ VNĐ (+14,286 tỷ VNĐ YTD)** và cũng là tháng có giá trị mua ròng lớn thứ 2 trong 2022. Cùng với đó, nhóm **Tổ chức nước ngoài** cũng có một tháng mua ròng, ghi nhận **2,078 tỷ đồng (+4,385 tỷ VNĐ YTD)**. Tuy nhiên, nhóm **Tổ chức trong nước** lại ghi nhận tháng bán ròng lớn nhất cả năm, đạt **-7,793 tỷ VNĐ (-8,090 tỷ VNĐ)**.

Chúng tôi duy trì đánh giá thanh khoản sẽ tiếp tục giảm và nằm **trong vùng 10,000 – 13,000 tỷ VNĐ**, chưa thể cải thiện trong tháng tới do (1) *Mặt bằng lãi suất huy động tăng cao* (2) *Thị trường diễn biến tiêu cực khiến NĐT duy trì tâm lý thận trọng*

Tất cả các nhóm ngành đều có sự sụt giảm thanh khoản

Thay đổi GTGD các ngành hàng tháng



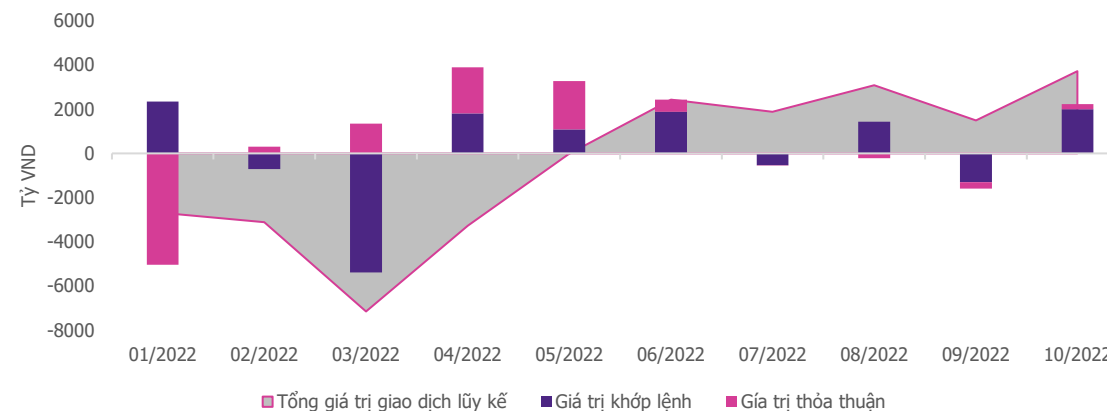
Tương tự như thanh khoản của toàn thị trường, thanh khoản của từng nhóm riêng lẻ đa số ghi nhận sự sụt giảm. Nhóm duy nhất có thanh khoản trung bình tăng so với tháng trước là nhóm **Ngân hàng** đạt **2,838 tỷ VND (+71% MoM)**.

Trong bối cảnh thị trường hiện tại, chúng tôi cho rằng thanh khoản của VNINDEX sẽ duy trì quanh ngưỡng **13,000-15,000 tỷ VND**, và tiếp tục có sự phân hóa giữa các nhóm ngành. Thêm vào đó, những quan ngại về sự ảnh hưởng của sự cố Trái phiếu doanh nghiệp có thể sẽ tác động lên một số ngành có dư nợ TPDN lớn như Bất động sản hay Dịch vụ tài chính có thể khiến thanh khoản 2 nhóm này tiếp tục bị ảnh hưởng trong các tháng sắp tới.

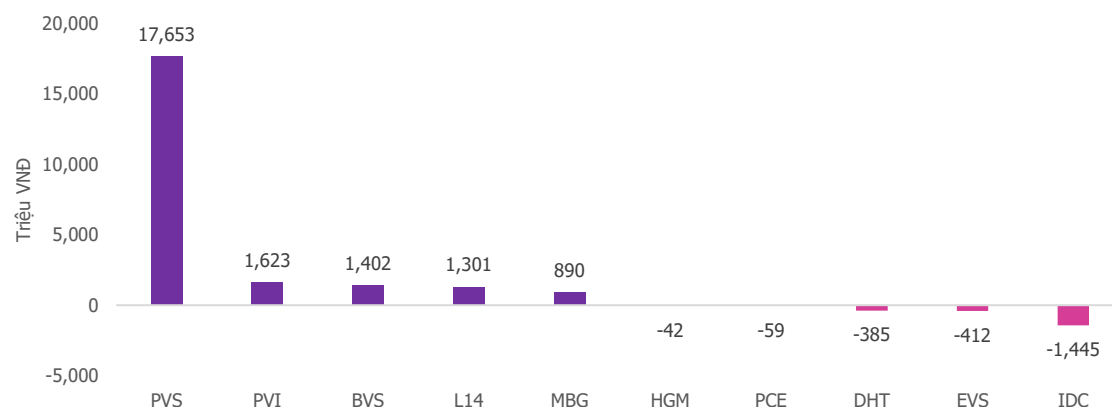
Khối ngoại có dấu hiệu tích cực

Tính từ đầu năm đến ngày 21/10, khối ngoại đã mua ròng lũy kế **3,716 tỷ đồng**, trong đó trong tháng 10 xu hướng mua ròng quay trở lại khi nhóm NDTNN đã mua ròng trở lại **2,225 tỷ đồng**. Trong đó, trên sàn HOSE, cổ phiếu được NDTNN mua nhiều nhất là **VNM (95 tỷ)**, **VCB (45 tỷ)**, **MSN (41 tỷ)**; ở chiều bán đó là **HPG (-232 tỷ)**, **VHM (-152 tỷ)**, **VND (-84 tỷ)**. Trên sàn HNX, NDTNN tập trung mua ròng các cổ phiếu **PVS (17 tỷ)**, **PVI (1.6 tỷ)**, **BVS (1.4 tỷ)**; các cổ phiếu bị bán ròng bao gồm **IDC (-1.4 tỷ)**, **EVS (-0.4 tỷ)**, **DHT (-0.38 tỷ)**.

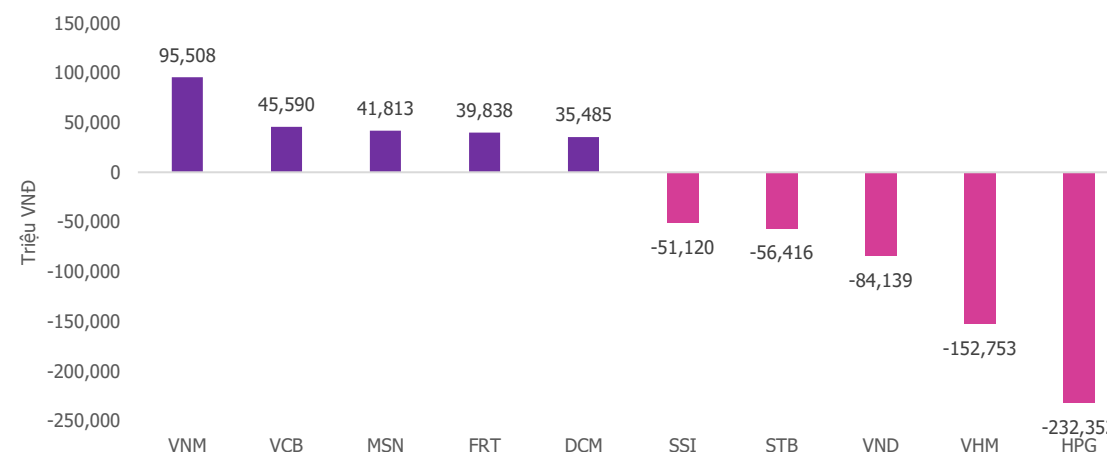
Giao dịch của NĐTNN



Các CP NDTNN giao dịch nhiều nhất trên sàn HNX



Các CP NDTNN giao dịch nhiều nhất trên sàn HSX



Cập nhật Kết quả kinh doanh Quý 3/2022

Ngành	% vốn hóa đã công bố	%YoY DT	% YoY LNST
Ngân hàng	32%	28%	40%
Bất động sản	7%	-8%	-28%
Thực phẩm và đồ uống	30%	51%	108%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	24%	46%	59%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9%	33%	30%
Xây dựng và Vật liệu	30%	56%	64%
Tài nguyên Cơ bản	9%	17%	-157%
Hóa chất	47%	47%	94%
Dịch vụ tài chính	45%	-25%	-68%
Dầu khí	1%	-33%	225%
Bán lẻ	6%	47%	124%
Du lịch và Giải trí	16%	29%	410%
Viễn thông	21%	20%	18%
Công nghệ Thông tin	84%	27%	5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	56%	94%	213%
Bảo hiểm	29%	30%	-19%
Y tế	56%	19%	46%
Truyền thông	64%	63%	17%
Ô tô và phụ tùng	45%	90%	1023%
Tổng	24%	36%	30%

EVSA Thống kê đến ngày 25/10 đã có **645/1698 doanh nghiệp niêm yết** đã công bố BCTC quý 3 với mức vốn hóa đạt **24%** tổng vốn hóa thị trường, **ghi nhận DT và LNST lần lượt tăng 36% và 30% YoY**. Trong đó:

EVSA Nhóm **Ngân hàng** đã công bố KQKD với mức tăng DT và LNST lần lượt tăng **28%** và **40%** nhờ nguồn thu từ các hoạt động ngoài lãi, dẫn đầu bởi **VPB (DT +38% YoY, LNST +72% YoY)**;

EVSA Ngành **Thực phẩm và đồ uống** cũng có KQKD quý 3 phục hồi ấn tượng từ nền thấp với DT +51% YoY và LNST +108% YoY, đóng góp chính có **SAB (DT +102%, LNST +108%), VHC (DT +46% YoY, LNST +190% YoY)**;

EVSA Ngành **Hóa chất** ghi nhận **DT +46% YoY, LNST +87% YoY** với đại diện nổi bật là **DGC (DT +75% YoY, LNST +190% YoY)**;

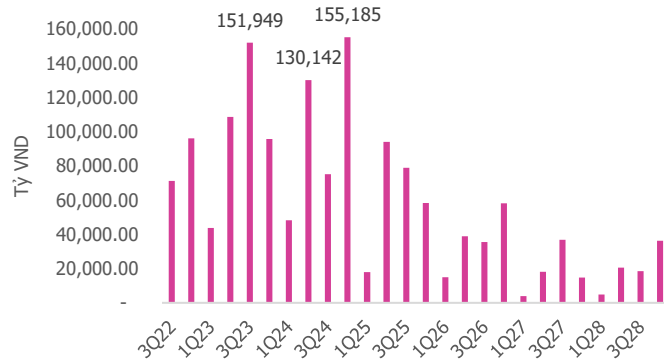
EVSA Mặt khác, tác động tiêu cực của thị trường đã ảnh hưởng trực tiếp tới các nhóm ngành như:

EVSA **Dịch vụ tài chính** khi ghi nhận **DT -23%, LNST - 57%**, trong đó có **VCI** ghi nhận **DT -43%, LNST -63%**.

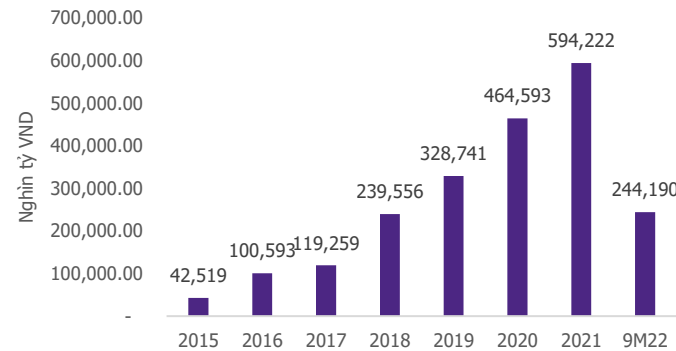
EVSA Bên cạnh đó, nhóm **BDS** tiếp tục có kết quả kinh doanh kém khả quan với **DT -9%, LNST -12%**.

Rủi ro thị trường trái phiếu khiến tâm lý thị trường bi quan

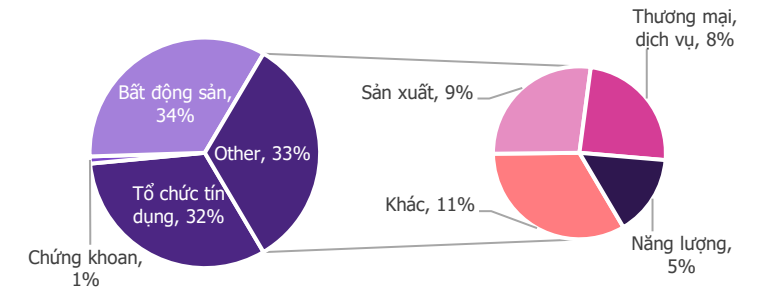
Áp lực đáo hạn sẽ ngày càng gia tăng từ nay tới giai đoạn 2023 -2024



Giá trị phát hành TPDN sụt giảm sau giai đoạn phát triển nóng



Cơ cấu dự nợ TPDN 9M22

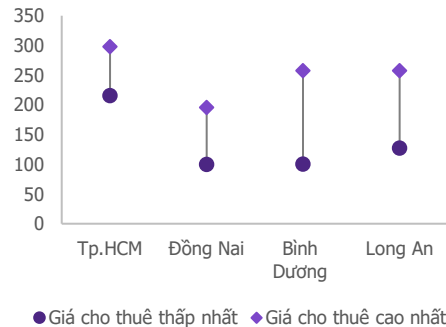


Với việc xuất hiện hàng loạt các sai phạm trong việc phát hành Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN), đây được coi là một trong những nguyên nhân trọng yếu ảnh hưởng khiến thị trường chứng khoán lao dốc trong các tháng vừa qua. Việc xử lý vi phạm TPDN ảnh hưởng đáng kể đến tâm lý thị trường, nhất là các nhà đầu tư cá nhân về rủi ro an toàn hệ thống tín dụng. Bên cạnh đó, các nghị định 153 và 65 được ban hành nhằm xiết chặt các quy định về phát hành TPDN khiến cho việc phát hành để đảo các khoản nợ trở nên khó khăn các khiến tâm lý thị trường trở nên bi quan.

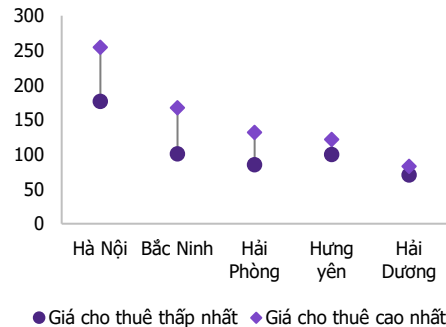
Theo thống kê của FiinPro, dư nợ trái phiếu tính đến thời điểm cuối tháng 9/2022 đạt hơn 1,3 triệu tỷ đồng (tương đương với hơn 13% GDP năm 2021). Trong đó, nếu loại bỏ các trái phiếu ngân hàng thì số dư nợ trái phiếu của các doanh nghiệp phi ngân hàng là 908.800 tỷ đồng và các nhà phát hành bất động sản đóng góp 455.000 tỷ đồng. Con số này trên thực tế chỉ chiếm khoảng 4% tổng dư nợ tín dụng toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam, trong khi đó so sánh với thị trường TPDN Trung Quốc (dư nợ trái phiếu chiếm đến 44% GDP 2021) thì tỷ lệ vỡ nợ chỉ chiếm 1.35%. Bên cạnh đó,

EVS Research đánh giá (1) *Rủi ro vỡ nợ tại thị trường TPDN Việt Nam có tồn tại nhưng không cao* (2) *Khối lượng phát hành sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp do thị trường cần thời gian hấp thụ các chính sách mới* (3) *Sẽ có sự phân hóa đối với các Ngân hàng có tỷ trọng TPDN lớn trong cơ cấu tài sản.*

Giá cho thuê KCN miền Nam



Giá cho thuê KCN miền Bắc



Tên KCN	Tỉnh	Diện tích (ha)
Hòa Cẩm - Giai đoạn 2	Đà Nẵng	119
Tiên Thanh	Hải phòng	410.5
Hòa Phú mở rộng	Bắc Giang	85
Đồng Văn I mở rộng	Hà Nam	49.1
Thăng Long II mở rộng	Hưng Yên	180.5
Yên Mỹ II mở rộng	Hưng Yên	216
Lộc Giang	Long An	466
PRODEZI	Long An	400
Tân Lập	Long An	654
TANDOLAND	Long An	250
Tam Thăng mở rộng	Quảng Nam	248.9
Đồng Vàng	Thanh Hóa	491.9
Phúc Yên	Vĩnh Phúc	111.3
Thuận Thanh I	Bắc Ninh	182
Tổng		3864.2

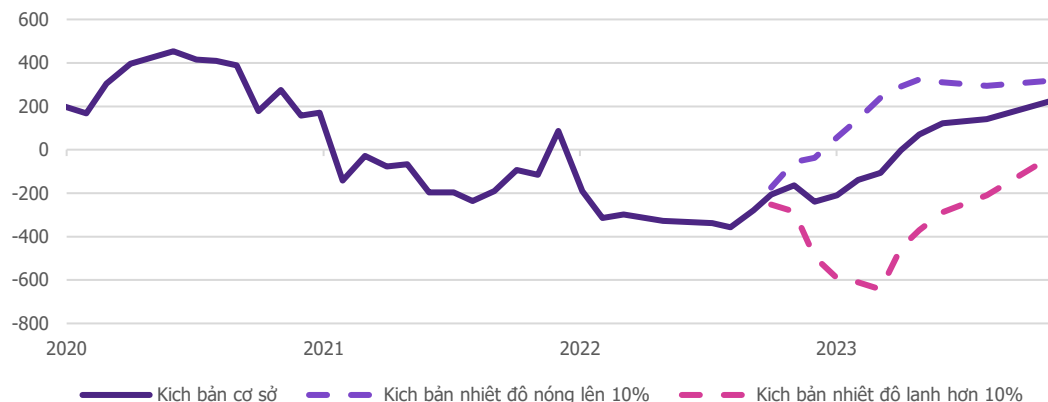
Cung cầu đều gia tăng, tỷ giá USDEVND tăng hỗ trợ lợi nhuận

Thị trường Bất động sản Công nghiệp vẫn duy trì sức hút với các nhà đầu tư khi trong 9 tháng đầu năm có tổng cộng 14 KCN được Chính phủ phê duyệt đầu tư với tổng diện tích đạt 3,564 ha và tỷ lệ lấp đầy vẫn thường xuyên duy trì ở mức 80.2% ở miền Bắc và 95% ở miền Nam. Theo CBRE, một số khu công nghiệp chuẩn bị đi vào hoạt động năm 2023 đã đạt được tỷ lệ cam kết cho thuê sớm tích cực quanh mức 40-100% trong giai đoạn đầu triển khai.

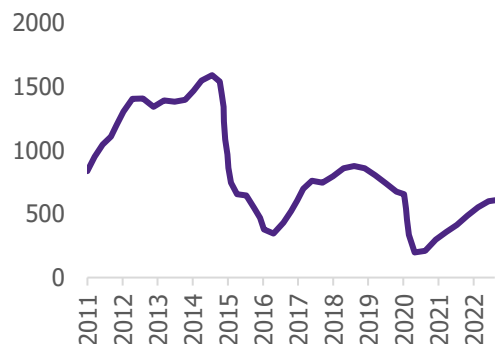
Chúng tôi cho rằng các tỉnh có sức hút lớn với FDI 9 tháng 2022 sẽ tiếp tục là đầu tàu dẫn dắt bao gồm Bình Dương, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hà Nội và Hải phòng với tổng lượng vốn lũy kế thu hút được của 6 thành phố là **11,224 triệu USD (+215% YoY)**. Mặc dù phải chịu sự cạnh tranh từ cách tỉnh cấp 2, giá cho thuê tại khu vực cấp 1 sẽ tiếp tục được neo cao do hệ thống hạ tầng hoàn chỉnh và đã có thể sẵn sàng đi vào hoạt động

Các cổ phiếu chúng tôi quan tâm bao gồm VGC, BCM, PHR

Dự báo giá dầu của STEO



Số giàn khoan đang cho thuê của Baker Hughes



Dự phóng sản lượng dầu thô từ các giàn khoan ở Mỹ



OPEC + đã công bố **cắt giảm sản lượng 2 triệu thùng mỗi ngày** vào ngày 5 tháng 10. Sản lượng dầu thô của OPEC được dự báo giảm từ mức trung bình 29,6 triệu thùng / ngày **trong tháng 9 xuống mức trung bình 27,6 triệu**. Khả năng gián đoạn nguồn cung xăng dầu và tăng trưởng sản lượng dầu thô chậm hơn dự kiến có thể dẫn đến giá dầu cao hơn, trong khi khả năng tăng trưởng kinh tế chậm hơn dự báo góp phần làm xu hướng giá dầu giảm đi trong ngắn hạn. Tuy nhiên **giá dầu trung bình năm hiện tại vẫn neo ở mức rất cao so với năm ngoái**.

Giá dầu sưởi ấm cao vào mùa đông năm nay tại Mỹ theo hiệp hội EIA, kết hợp với dự báo tiêu thụ dẫn đến dự đoán của chúng tôi **rằng chi phí dầu sưởi ấm sẽ vào khoảng \$ 2.350** trong mùa đông này, cho những ngôi nhà trong đó dầu sưởi là nhiên liệu sưởi ấm không gian chính. Chi tiêu ở mức đó sẽ **cao nhất kể từ mùa đông 2013–2014** khi được điều chỉnh lạm phát.

Giá dầu cao sẽ được hỗ trợ qua mùa đông trong bối cảnh nguồn cung thấp, EVS ưa thích nhóm cổ phiếu dịch vụ thượng nguồn cho bối cảnh giá dầu cao bao gồm **PVD** và **PVS**. Trong bối cảnh PVD liên tục trúng thầu giá trị cao và Luật dầu khí sửa đổi sẽ hỗ trợ, thúc đẩy các dự án nội địa tạo ra lợi nhuận tốt hơn cho PVS trong năm 2022.

Góc nhìn PTKT

Tính đến ngày 22/10, thị trường đã có một nhịp phục hồi về vùng 1,071 nhưng đã nhanh chóng quay lại xu hướng chính. Thanh khoản suy giảm, lực cầu yếu hơn so với giai đoạn trước tại các vùng hỗ trợ. Hiện VNI đang ở vùng hỗ trợ 998 và có lực mua khá tốt, tuy nhiên nếu thủng vùng này có thể về vùng 971 điểm để cân bằng trở lại. Cần duy trì quản trị rủi ro, giữ tỷ trọng tiền mặt cân đối trong giai đoạn thị trường biến động tiêu cực.

Các sự kiện đáng chú ý

 27/10/2022: Số liệu GDP Quý 3 của Mỹ

 28/10/2022: Mỹ công bố PCE Index
Quyết định lãi suất ECB

 03/11/2022: Mỹ công bố kết quả cuộc họp
chính sách

 09/11/2022: Bầu cử giữa kỳ Mỹ



KHUYẾN CÁO

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, đánh giá với mức độ cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan, Phòng Phân tích CTCP Chứng khoán Everest (EVS) không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo. Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. EVS và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của EVS và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. EVS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. EVS sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này. EVS nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của EVS.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest

Địa chỉ: 117 Nguyễn Du, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Tầng 2 tòa nhà VNT Tower, 19 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại: (+84-24) 3772 6699

Fax: (+84-24) 3772 6763

Email: admin@eves.com.vn